

**DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
ĐỢT THÁNG 11/2025**

Bài đánh giá: **Kỹ năng Nói**
Ngày đánh giá: **16/11/2025**
Thời gian: **7h00-11h40**

Phòng: **37** Mã lớp: **25376ENTE0121**
Ca: **Sáng**
Hội trường: **V101**

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Ký xác nhận	Ghi chú
1	10104	Hoàng Thanh	Hoài	22D180082	K58H3		
2	10105	Nguyễn Mai	Anh	22D180012	K58H4		
3	10106	Vũ Minh	Huyền	22D180104	K58H4		
4	10107	Vũ Thị Kim	Duyên	22D180049	K58H4		
5	10108	Lê Thị Hà	Giang	22D180058	K58H4		
6	10109	Trần Thanh	Hà	22D180066	K58H4		
7	10110	Dương Thị	Ánh	22D180022	K58H4		
8	10111	Đặng Gia	Bảo	22D180027	K58H4		
9	10112	Đoàn Nguyễn Nhật	Minh	22D180154	K58H4		
10	10113	Phan Hồng	Hạnh	22D180073	K58H4		
11	10114	Phạm Gia	Hân	22D180075	K58H4		
12	10115	Nông Gia	Huy	22D180092	K58H4		
13	10116	Nguyễn Thị Phương	Thảo	22D180212	K58H5		
14	10117	Hòa Thị	Huế	22D180089	K58H5		
15	10118	Lê Phạm Hải	Đăng	22D180052	K58H5		
16	10119	Dương Quốc	Bảo	22D180028	K58H5		
17	10120	Ngô Đức	Trung	22D180233	K58H5		
18	10121	Nguyễn Thị Ngọc	Tú	22D180245	K58H5		
19	10122	Nguyễn Việt	Huyền	22D180100	K58H5		
20	10123	Văn Thị Anh	Thư	22D180224	K58H5		
21	10124	Nguyễn Thúy	Quỳnh	22D180199	K58H5		
22	10125	Lưu Phương	Mai	22D180147	K58H5		
23	10126	Lang Thị	Oanh	22D280047	K58HC1		
24	10127	Nguyễn Thị	Thu	22D280053	K58HC1		
25	10128	Nguyễn Ánh	Ngọc	22D280043	K58HC1		

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Ký xác nhận	Ghi chú
26	10129	Bùi Đức Anh	22D280001	K58HC1			
27	10130	Trịnh Hà Mai	22D280038	K58HC1			
28	10131	Nguyễn Đăng Tiến Đạt	22D280011	K58HC1			
29	10132	Trần Phương Linh	22D280034	K58HC1			
30	10133	Nguyễn Lê Na	22D280040	K58HC2			
31	10134	Đào Công Quyết	22D280049	K58HC2			
32	10135	Lương Thị Thủy Tiên	22D280056	K58HC2			
33	10136	Hoàng Lê Phương Anh	22D280002	K58HC2			
34	10137	Phạm Văn Mạnh	22D280039	K58HC2			
35	10138	Bùi Thành Đạt	22D280010	K58HC2			
36	10139	Tạ Công Hoàng	22D280019	K58HC2			
37	10140	Nguyễn Thị Huyền	22D185025	K58HH1			
38	10141	Phạm Mai Hương	22D185029	K58HH1			

Xác nhận:

38

SV theo danh sách

Có mặt:.....

Vắng:.....

Số sinh viên vi phạm kỷ luật:.....(Trong đó:.....sinh viên đình chỉ)

Cán bộ 1
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ 2
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thư ký phòng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 11 tháng 11 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
ĐỢT THÁNG 11/2025

Bài đánh giá: **Kỹ năng Nói**
Ngày đánh giá: **16/11/2025**
Thời gian: **7h00-11h40**

Phòng: **38** Mã lớp: **25377ENTE0121**
Ca: **Sáng**
Hội trường: **V102**

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Ký xác nhận	Ghi chú
1	10142	Trương Mạnh Quang	22D185058	K58HH1			
2	10143	Lê Thị Ngọc Trâm	22D185067	K58HH1			
3	10144	Trịnh Minh Quang	22D185059	K58HH2			
4	10145	Lô Thị Hà	22D140071	K58I1			
5	10146	Đoàn Nguyên Phương	22D140166	K58I1			
6	10147	Phạm Thị Bích	22D140031	K58I1			
7	10148	Phạm Thị Minh Châu	22D140034	K58I1			
8	10149	Ngô Thanh Trúc	22D140218	K58I1			
9	10150	Trần Thị Linh Chi	22D140041	K58I1			
10	10151	Nguyễn Quỳnh Trang	22D140209	K58I2			
11	10152	Nguyễn Quang Vinh	22D140230	K58I2			
12	10153	Đinh Viết Long	22D140124	K58I2			
13	10154	Nguyễn Văn An	22D140002	K58I2			
14	10155	Phạm Hoàng Anh	22D140017	K58I2			
15	10156	Nguyễn Xuân Tiến	22D140201	K58I2			
16	10157	Nguyễn Diệu Linh	22D140113	K58I3			
17	10158	Hoàng Văn Hoàng	22D140084	K58I3			
18	10159	Phạm Hoài An	22D140003	K58I3			
19	10160	Trần Thị Thu Liễu	22D140108	K58I3			
20	10161	Bùi Thị Nhài	22D140151	K58I3			
21	10162	Ngô Hồng Ánh	22D140023	K58I3			
22	10163	Dương Thị Thảo	22D140184	K58I3			
23	10164	Phan Thị Quỳnh Anh	22D140016	K58I4			
24	10165	Trương Minh Tùng	22D140226	K58I4			
25	10166	Nguyễn Thị Hương Giang	22D140065	K58I4			

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Ký xác nhận	Ghi chú
26	10167	Lê Ngân	Hà	22D140070	K58I4		
27	10168	Ngô Thị Linh	Nhi	22D140152	K58I4		
28	10169	Nguyễn Phương	Anh	22D140012	K58I4		
29	10170	Trần Nam	Anh	22D140020	K58I4		
30	10171	Phạm Hoài	Linh	22D140120	K58I5		
31	10172	Nguyễn Hoàng	Đạt	22D140056	K58I5		
32	10173	Bùi Thế	Anh	22D140005	K58I5		
33	10174	Đậu Đức	Phú	22D140162	K58I5		
34	10175	Đỗ Hà	Phương	22D140167	K58I5		
35	10176	Cao Ánh	Bích	22D140030	K58I5		
36	10177	Lê Ngọc Phương	Thảo	22D140186	K58I5		
37	10178	Đào Nhật Duy	Anh	22D300005	K58LQ1		
38	10179	Lương Văn	Thuận	22D300140	K58LQ1		

Xác nhận:

38

SV theo danh sách

Có mặt:.....

Vắng:.....

Số sinh viên vi phạm kỷ luật:.....(Trong đó:.....sinh viên đình chỉ)

Cán bộ 1
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ 2
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thư ký phòng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 11 tháng 11 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

**DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
ĐỢT THÁNG 11/2025**

Bài đánh giá: **Kỹ năng Nói**
Ngày đánh giá: **16/11/2025**
Thời gian: **7h00-11h40**

Phòng: **39** Mã lớp: **25378ENTE0121**
Ca: **Sáng**
Hội trường: **V103**

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Ký xác nhận	Ghi chú
1	10180	Vũ Huy	Hoàng	22D300063	K58LQ1		
2	10181	Lê Thị Quỳnh	Anh	22D300010	K58LQ1		
3	10182	Dương Ngọc	Linh	22D300085	K58LQ1		
4	10183	Trần Phương	Linh	22D300091	K58LQ1		
5	10184	Nguyễn Văn	Ngọc	22D300103	K58LQ1		
6	10185	Nguyễn Văn	Quang	22D300120	K58LQ1		
7	10186	Thái Lương Chi	Anh	21D300133	K58LQ2		
8	10187	Phạm Thị	Ngân	22D300099	K58LQ2		
9	10188	Nguyễn Việt	Anh	22D300017	K58LQ2		
10	10189	Nguyễn Quý	Đạt	22D300042	K58LQ2		
11	10190	Lê Đức	Anh	22D300009	K58LQ2		
12	10191	Luyện Thị Thanh	Vân	22D300157	K58LQ2		
13	10192	Đỗ Nam	Khang	22D300075	K58LQ2		
14	10193	Nguyễn Ngọc	Kiên	22D300078	K58LQ2		
15	10194	Trần Ngọc	Nhi	22D300109	K58LQ2		
16	10195	Nguyễn Thị Trang	Nhung	22D300112	K58LQ2		
17	10196	Đỗ Thị Minh	Phương	22D300116	K58LQ2		
18	10197	Nông Quốc	Ái	22D300018	K58LQ2		
19	10198	Lư Hoa	Cương	22D300030	K58LQ2		
20	10199	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	22D300053	K58LQ3		
21	10200	Lăng Xuân	Việt	21D300189	K58LQ3		
22	10201	Hà Linh	Nhi	22D300107	K58LQ3		
23	10202	Nguyễn Kim	Chi	22D300027	K58LQ3		
24	10203	Phạm Tiến	Đạt	22D300043	K58LQ3		
25	10204	Đỗ Thị Hương	Giang	22D300049	K58LQ3		

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Ký xác nhận	Ghi chú
26	10205	Trần Quốc Tuấn	22D300153	K58LQ3			
27	10206	Hà Văn Na	22D300097	K58LQ3			
28	10207	Lê Cẩm Nhung	22D300110	K58LQ3			
29	10208	Nguyễn Thị Kim Chi	22D300029	K58LQ3			
30	10209	Khúc Tiến Đạt	22D300040	K58LQ3			
31	10210	Nguyễn Đức Thắng	22D170224	K58N1			
32	10211	Đoàn Quốc Nhân	22D170168	K58N1			
33	10212	Nguyễn Hồng Quân	22D170203	K58N1			
34	10213	Đặng Thị Bích Thảo	22D170215	K58N1			
35	10214	Trần Thị Xinh	22D170271	K58N1			
36	10215	Lương Quỳnh Dương	22D170033	K58N1			
37	10216	Phạm Thị Yến Nhi	22D170176	K58N1			
38	10217	Tô Lan Phương	22D170198	K58N1			

Xác nhận:

38

SV theo danh sách

Có mặt:.....

Vắng:.....

Số sinh viên vi phạm kỷ luật:.....(Trong đó:.....sinh viên đình chỉ)

Cán bộ 1
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ 2
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thư ký phòng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 11 tháng 11 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



GS,TS Nguyễn Hoàng Việt

DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
ĐỢT THÁNG 11/2025

Bài đánh giá: **Kỹ năng Nói**
Ngày đánh giá: **16/11/2025**
Thời gian: **7h00-11h40**

Phòng: **40** Mã lớp: **25379ENTE0121**
Ca: **Sáng**
Hội trường: **V104**

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Ký xác nhận	Ghi chú
1	10218	Nguyễn Trường Sơn	22D170209	K58N2			
2	10219	Trần Sách Huy	22D170082	K58N2			
3	10220	Trần Thị Tươi	22D170258	K58N2			
4	10221	Trương Thị Thùy Linh	22D170121	K58N2			
5	10222	Đinh Ngọc Khánh	22D170097	K58N2			
6	10223	Hoàng Thị Yến Ngọc	22D170161	K58N2			
7	10224	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	22D170166	K58N2			
8	10225	Nguyễn Văn Thành	22D170214	K58N3			
9	10226	Đỗ Thị Hà Trang	21D170232	K58N3			
10	10227	Nguyễn Thị Thu Hà	22D170056	K58N3			
11	10228	Nguyễn Thị Ngọc Ly	22D170130	K58N3			
12	10229	Phạm Thị Lan Anh	22D170010	K58N4			
13	10230	Vũ Quỳnh Anh	22D170014	K58N4			
14	10231	Hồ Minh Thúy	22D170231	K58N4			
15	10232	Nguyễn Phương Anh	22D170007	K58N5			
16	10233	Lê Minh Thanh	22D170212	K58N5			
17	10234	Hoàng Gia Bảo	22D170016	K58N5			
18	10235	Lê Huy Hoàng	22D170073	K58N5			
19	10236	Đậu Thị Thúy Hằng	22D170059	K58N5			
20	10237	Hoàng Anh Quân	22D200099	K58P1			
21	10238	Trần Xuân Trường	22D200119	K58P1			
22	10239	Phạm Khánh Linh	22D200071	K58P1			
23	10240	Đặng Hà Châu	22D200018	K58P1			
24	10241	Nguyễn Trần Đại Dương	22D200027	K58P1			
25	10242	Nguyễn Đức Tài	22D200103	K58P1			

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Ký xác nhận	Ghi chú
26	10243	Lê Thị Khánh Vân	22D200122	K58P1			
27	10244	Trần Quang Việt	22D200123	K58P1			
28	10245	Bùi Hồng Minh	22D200080	K58P1			
29	10246	Vàng Tiểu Băng	22D200015	K58P1			
30	10247	Đỗ Minh Quân	22D200098	K58P2			
31	10248	Nguyễn Anh Đức	22D200030	K58P2			
32	10249	Lê Nhân Minh	22D200079	K58P2			
33	10250	Lưu Thị Phương Linh	22D200066	K58P2			
34	10251	Nguyễn Phương Minh	22D201013	K58PQ1			
35	10252	Nguyễn Thị Kim Ánh	22D201004	K58PQ1			
36	10253	Hà Minh Đức	22D105015	K58Q1			
37	10254	Hoàng Minh Hiếu	22D105019	K58Q1			
38	10255	Long Thị Diệu Linh	22D105025	K58Q1			
39	10256	Nguyễn Thị Ngọc Linh	22D105027	K58Q1			

Xác nhận:

39

SV theo danh sách

Có mặt:.....

Vắng:.....

Số sinh viên vi phạm kỷ luật:.....(Trong đó:.....sinh viên đình chỉ)

Cán bộ 1
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ 2
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thư ký phòng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 11 tháng 11 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
ĐỢT THÁNG 11/2025

Bài đánh giá: **Kỹ năng Nói**
Ngày đánh giá: **16/11/2025**
Thời gian: **7h00-11h40**

Phòng: **41** Mã lớp: **25380ENTE0121**
Ca: **Sáng**
Hội trường: **V201**

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Ký xác nhận	Ghi chú
1	10257	Lê Hà My	22D105034	K58Q1			
2	10258	Lâm Tô Thái An	22D105001	K58Q1			
3	10259	Đào Thị Hồng Ánh	22D105007	K58Q1			
4	10260	Nguyễn Hải Linh	22D105026	K58Q1			
5	10261	Vàng Thị Biên	22D107027	K58QT1			
6	10262	Bùi Thị Linh Chi	22D107031	K58QT1			
7	10263	Nguyễn Thị Thanh Trúc	22D107222	K58QT1			
8	10264	Nguyễn Thị Toàn	22D107202	K58QT2			
9	10265	Cầm Thị Quỳnh	22D107168	K58QT2			
10	10266	Hoàng Thị Thanh	22D107178	K58QT2			
11	10267	Tạ Thị Nguyệt	22D107145	K58QT2			
12	10268	Nguyễn Đức Trường	22D107223	K58QT2			
13	10269	Hoàng Thị Nga	22D107129	K58QT3			
14	10270	Lê Huyền Diệu	22D107041	K58QT3			
15	10271	Nguyễn Thị Hồng	22D107070	K58QT3			
16	10272	Thiều Thị Huyền	22D107081	K58QT3			
17	10273	Nguyễn Văn Quý	22D107174	K58QT3			
18	10274	Lý Thị Cánh	22D107029	K58QT3			
19	10275	Đỗ Anh Thư	22D107195	K58QT3			
20	10276	Lê Thị Nhị	22D107150	K58QT3			
21	10277	Vũ Hồng Phúc	22D107160	K58QT3			
22	10278	Nguyễn Thị Kiều Trang	22D107211	K58QT3			
23	10279	Trịnh Thị Linh Chi	22D107038	K58QT4			
24	10280	Phạm Thị Diệu	22D107042	K58QT4			
25	10281	Lù Thị Giang	22D107055	K58QT4			

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Ký xác nhận	Ghi chú
26	10282	Bùi Thị Thanh	Tâm	22D107176	K58QT4		
27	10283	Nguyễn Thị	Thương	22D107200	K58QT4		
28	10284	Bùi Thị Thanh	Nhàn	22D107147	K58QT4		
29	10285	Lô Thị Bảo	May	22D107125	K58QT4		
30	10286	Nguyễn Thị Lan	Phuong	22D190130	K58S1		
31	10287	Nguyễn Lê Công	Dũng	22D190024	K58S1		
32	10288	Hà Phương	Anh	22D190001	K58S1		
33	10289	Vũ Thị Mai	Huong	22D190075	K58S1		
34	10290	Hoàng Hữu	Minh	22D190100	K58S1		
35	10291	Tổng Thị Ánh	Tuyết	22D190173	K58S1		
36	10292	Nguyễn Duy	Văn	22D190176	K58S1		
37	10293	Lương Thị Minh	Tâm	22D190137	K58S1		
38	10294	Nguyễn Đức	Hiếu	22D190051	K58S1		
39	10295	Nguyễn Tự	Hùng	22D190066	K58S1		

Xác nhận:

39

SV theo danh sách

Có mặt:.....

Vắng:.....

Số sinh viên vi phạm kỷ luật:.....(Trong đó:.....sinh viên đình chỉ)

Cán bộ 1
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ 2
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thư ký phòng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 11 tháng 11 năm 2025
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Nguyễn Hoàng Việt

DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
ĐỢT THÁNG 11/2025

Bài đánh giá: **Kỹ năng Nói**
Ngày đánh giá: **16/11/2025**
Thời gian: **7h00-11h40**

Phòng: **42** Mã lớp: **25381ENTE0121**
Ca: **Sáng**
Hội trường: **V202**

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Ký xác nhận	Ghi chú
1	10296	Nguyễn Thị Huyền Trang	22D190162	K58S1			
2	10297	Võ Thị Ngọc Tú	22D190174	K58S2			
3	10298	Lê Thảo Vy	22D190182	K58S2			
4	10299	Nguyễn Minh Thư	22D190150	K58S2			
5	10300	Phạm Thị Hoài Thương	22D190155	K58S2			
6	10301	Bùi Chí Mạnh	22D190097	K58S2			
7	10302	Nguyễn Ngọc Hiền	22D190049	K58S3			
8	10303	Lê Khang Ánh	22D190010	K58S3			
9	10304	Tạ Thị Thu Huệ	22D190059	K58S3			
10	10305	Nguyễn Thu Trang	22D190164	K58S3			
11	10306	Trần Thị Thúy Mỹ	22D190104	K58S3			
12	10307	Bùi Thị Ngọc	22D190115	K58S3			
13	10308	Đỗ Tiến Dũng	22D190023	K58S4			
14	10309	Phạm Ngọc Hà	22D190042	K58S4			
15	10310	Lê Minh Hoàng	22D190055	K58S4			
16	10311	Nguyễn Thị Quý	22D190136	K58S4			
17	10312	Đặng Thị Diệu Linh	22D190082	K58S4			
18	10313	Vũ Mạnh Thắng	22D190146	K58S4			
19	10314	Đoàn Phạm Ngọc Thư	22D190148	K58S4			
20	10315	Nguyễn Thị Thương	22D190153	K58S4			
21	10316	Trần Thị Hồng Nhung	22D192060	K58SN1			
22	10317	Phạm Thị Ngọc Ánh	22D192011	K58SN2			
23	10318	Trần Văn Minh Nghĩa	22D220145	K58T1			
24	10319	Phạm Minh Phương	22D220170	K58T1			
25	10320	Nguyễn Thị Thùy Dương	22D220050	K58T1			

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Ký xác nhận	Ghi chú
26	10321	Nguyễn Mai Linh	22D220112	K58T1			
27	10322	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	22D220085	K58T1			
28	10323	Nguyễn Linh Chi	22D220029	K58T1			
29	10324	Trần Thị Hà	22D220060	K58T2			
30	10325	Thái Thị Ngọc Diệp	22D220035	K58T2			
31	10326	Hoàng Diệu Linh	22D220105	K58T2			
32	10327	Lê Hiếu Minh	22D220134	K58T2			
33	10328	Phạm Thị Khánh Hiền	22D220065	K58T2			
34	10329	Đỗ Nguyễn Duy	22D220040	K58T2			
35	10330	Lý Thị Thắm	22D220196	K58T2			
36	10331	Đỗ Minh Quân	22D220173	K58T3			
37	10332	Bùi Lê Tuấn Anh	22D220006	K58T3			
38	10333	Trần Đức Mạnh	22D220131	K58T3			
39	10334	Trần Ngân An	22D220002	K58T4			

Xác nhận:

39

SV theo danh sách

Có mặt:.....

Vắng:.....

Số sinh viên vi phạm kỷ luật:.....(Trong đó:.....sinh viên đình chỉ)

Cán bộ 1
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ 2
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thư ký phòng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 11 tháng 11 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
ĐỢT THÁNG 11/2025

Bài đánh giá: **Kỹ năng Nói**
Ngày đánh giá: **16/11/2025**
Thời gian: **7h00-11h40**

Phòng: **43** Mã lớp: **25382ENTE0121**
Ca: **Sáng**
Hội trường: **V203**

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Ký xác nhận	Ghi chú
1	10335	Nguyễn Diệu Linh	22D220111	K58T4			
2	10336	Nguyễn Thị Nhã Dương	22D220049	K58T4			
3	10337	Bế Anh Minh	22D220132	K58T4			
4	10338	Nguyễn Thị Khánh Huyền	22D220084	K58T4			
5	10339	Vũ Thị Hường	22D220093	K58T4			
6	10340	Hoàng Thị Hoa	22D220070	K58T4			
7	10341	Vũ Thị Thảo Vân	22D220227	K58T4			
8	10342	Nguyễn Văn Hoàng	22D210098	K58U1			
9	10343	Đặng Thị Lương	22D210136	K58U1			
10	10344	Lê Thị Hồng Nhung	22D210166	K58U1			
11	10345	Nguyễn Thị Thùy Oanh	22D210171	K58U1			
12	10346	Nguyễn Thu Linh	22D210127	K58U2			
13	10347	Cao Phương Huyền	22D210101	K58U2			
14	10348	Phùng Đức Tú Đạt	22D210063	K58U2			
15	10349	Triệu Khánh Linh	22D210117	K58U2			
16	10350	Vương Văn Tài	22D210193	K58U2			
17	10351	Lê Việt Anh Tú	22D210246	K58U3			
18	10352	Nguyễn Văn Xuân	22D210250	K58U3			
19	10353	Hoàng Đức Anh	22D210008	K58U3			
20	10354	Văn Thị Quỳnh Anh	22D210028	K58U3			
21	10355	Phạm Thị Diệu Hương	22D210113	K58U3			
22	10356	Nguyễn Thị Cẩm Phương	22D210181	K58U3			
23	10357	Tạ Nguyễn Tiến Quyết	22D210190	K58U3			
24	10358	Đặng Thị Chúc	22D210046	K58U3			
25	10359	Vàng A Duy	22D210054	K58U3			

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Ký xác nhận	Ghi chú
26	10360	Nguyễn Tùng	Dương	22D210060	K58U3		
27	10361	Trịnh Văn	Hưng	22D210110	K58U4		
28	10362	Trần Thị Thanh	Như	22D210169	K58U4		
29	10363	Dương Thanh	Nhân	22D210163	K58U4		
30	10364	Phùng Thị Thanh	Bình	22D210037	K58U4		
31	10365	Nguyễn Thị Thu	Huyền	22D210105	K58U4		
32	10366	Nguyễn Quang	Nhật	22D210164	K58U4		
33	10367	Lê Thị	Nga	22D210153	K58U4		
34	10368	Lê Thị Kiều	Trình	22D210238	K58U4		
35	10369	Nguyễn Thành	Trung	22D210240	K58U4		
36	10370	Đỗ Hoàng Khánh	Duy	22D210053	K58U5		
37	10371	Bùi Trí	Hoàng	22D210097	K58U5		
38	10372	Nguyễn Thúy	Nga	22D210154	K58U5		
39	10373	Nguyễn Duy	Thái	22D210205	K58U5		

Xác nhận:

39

SV theo danh sách

Có mặt:.....

Vắng:.....

Số sinh viên vi phạm kỷ luật:.....(Trong đó:.....sinh viên đình chỉ)

Cán bộ 1
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ 2
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thư ký phòng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 11 tháng 11 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

**DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
ĐỢT THÁNG 11/2025**

Bài đánh giá: **Kỹ năng Nói**
Ngày đánh giá: **16/11/2025**
Thời gian: **13h00-17h40**

Phòng: **47** Mã lớp: **25386ENTE0121**
Ca: **Chiều**
Hội trường: **V101**

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Ký xác nhận	Ghi chú
1	9734	Phạm Thị Mai	Phuong	21D100228	K57A3		
2	9735	Lưu Thị	Mùi	21D100268	K57A4		
3	9736	Bùi Khánh	Ngọc	21D100270	K57A4		
4	9737	Bùi Thị Thùy	Dương	21D100060	K57A5		
5	9738	Lê Đình	Tùng	21D100423	K57A7		
6	9739	Nguyễn Hữu	Công	21D111113	K57B1KD		
7	9740	Nguyễn Thị Lan	Anh	21D111170	K57B2KD		
8	9741	Đỗ Kiều	Anh	21D111165	K57B2KD		
9	9742	Hoàng Khánh	Linh	21D111256	K57B3KD		
10	9743	Nguyễn Thị Phương	Thảo	21D110211	K57B3KS		
11	9744	Nguyễn Trần Minh	Trường	20D110267	K57B4KS		
12	9745	Lê Xuân	Tùng	21D110256	K57B4KS		
13	9746	Nguyễn Văn	Tuấn	21D120049	K57C2		
14	9747	Nguyễn Khánh	Vy	21D120054	K57C2		
15	9748	Nguyễn Thị Kim	Anh	20D120144	K57C3		
16	9749	Hoàng Thị	Cảnh	21D120503	K57C4		
17	9750	Đặng Văn	Hậu	21D150503	K57D1		
18	9751	Lê Thị Quỳnh	Anh	21D150162	K57D2		
19	9752	Phùng Hoài	Linh	21D150504	K57D3		
20	9753	Bùi Cẩm	Tú	21D155164	K57DD2		
21	9754	Hoàng Thị Linh	Hậu	21D130117	K57E1		
22	9755	Hoàng Thị Thảo	Linh	21D130505	K57E2		
23	9756	Lê Thảo	My	21D260142	K57EK1		
24	9757	Ngô Diên	Công	21D160001	K57F1		
25	9758	Vì Xuân	Hùng	21D160173	K57F2		

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Ký xác nhận	Ghi chú
26	9759	Phạm Thị Phương	Thảo	21D160352	K57F5		
27	9760	Phạm Thị Thu	Hà	20D180012	K57H1		
28	9761	Chu Thành	Đạt	21D180164	K57H2		
29	9762	Hoàng Thu	Uyên	21D280218	K57HC2		
30	9763	Ngô Phương	Linh	21D280192	K57HC2		
31	9764	Đào Thu	Uyên	20D300066	K57LQ1		
32	9765	Nguyễn Hoàng	An	21D300001	K57LQ1		
33	9766	Nguyễn Thị	Hòa	21D170163	K57N2		
34	9767	Nguyễn Thị Hương	Thảo	21D170184	K57N2		
35	9768	Nguyễn Thị	Hồng	21D170254	K57N4		
36	9769	Ngô Băng	Nhi	21D170311	K57N5		
37	9770	Bùi Thị	Trang	21D170322	K57N5		

Xác nhận:

37

SV theo danh sách

Có mặt:.....

Vắng:.....

Số sinh viên vi phạm kỷ luật:.....(Trong đó:.....sinh viên đình chỉ)

Cán bộ 1

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ 2

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thư ký phòng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 11 tháng 11 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Nguyễn Hoàng Việt

**DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
ĐỢT THÁNG 11/2025**

Bài đánh giá: **Kỹ năng Nói**
Ngày đánh giá: **16/11/2025**
Thời gian: **13h00-17h40**

Phòng: **48** Mã lớp: **25387ENTE0121**
Ca: **Chiều**
Hội trường: **V102**

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Ký xác nhận	Ghi chú
1	9771	Đoàn Thị Phương	Anh	21D170283	K57N5		
2	9772	Đỗ Hữu	Cảnh	21D200108	K57P1		
3	9773	Hoàng Tường	Vy	21D200259	K57P3		
4	9774	Nguyễn Huy	Hoàng	21D200227	K57P3		
5	9775	Nguyễn Phương	Linh	21D105121	K57Q1		
6	9776	Nguyễn Ngọc	Tú	21D105139	K57Q1		
7	9777	Nguyễn Linh	Chi	21D107005	K57QT1		
8	9778	Trần Ngọc	Huyền	21D107013	K57QT1		
9	9779	Nguyễn Thị	Dung	20D107012	K57QT1		
10	9780	Hoàng Minh	Phuong	21D190006	K57S1		
11	9781	Bùi Danh	Hào	21D190165	K57S2		
12	9782	Trần Trung	Tuấn	21D190204	K57S2		
13	9783	Tòng Tiến	Lâm	21D220120	K57T1		
14	9784	Nguyễn Anh	Đức	21D210216	K57U3		
15	9785	Nguyễn Văn	Điều	22D100085	K58A1		
16	9786	Nguyễn Phương	Thảo	22D100281	K58A1		
17	9787	Phạm Thị Diễm	Quỳnh	22D100259	K58A1		
18	9788	Vy Mai	Loan	22D100181	K58A1		
19	9789	Nguyễn Đăng	Thành	22D100272	K58A1		
20	9790	Nguyễn Ngọc Hải	Yến	22D100337	K58A1		
21	9791	Hoàng Thị Bích	Diệp	22D100055	K58A1		
22	9792	Hoàng Thúy	Hồng	22D100130	K58A1		
23	9793	Lê Diệu	Anh	22D100013	K58A2		
24	9794	Lê Hải	Anh	22D100014	K58A2		
25	9795	Nguyễn Diệu	Anh	22D100019	K58A2		

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Ký xác nhận	Ghi chú
26	9796	Trần Thị Nguyệt	Nga	22D100204	K58A2		
27	9797	Nguyễn Minh Trung	Dũng	22D100068	K58A2		
28	9798	Nguyễn Thị	Hiền	22D100111	K58A2		
29	9799	Nguyễn Thị Nguyệt	Ánh	22D100034	K58A2		
30	9800	Hoàng Minh	Hiền	22D100114	K58A2		
31	9801	Trần Ngọc	Hoàn	22D100123	K58A3		
32	9802	Nguyễn Kiến	Quốc	22D100257	K58A3		
33	9803	Bùi Nguyệt	Minh	22D100192	K58A3		
34	9804	Nguyễn Tiến	Anh	22D100025	K58A3		
35	9805	Trần Thị Cẩm	Nhung	22D100230	K58A3		
36	9806	Vũ Quốc	Anh	22D100030	K58A3		
37	9807	Đinh Quỳnh	Như	22D100231	K58A4		

Xác nhận:

37

SV theo danh sách

Có mặt:.....

Vắng:.....

Số sinh viên vi phạm kỷ luật:.....(Trong đó:.....sinh viên đình chỉ)

Cán bộ 1

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ 2

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thư ký phòng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 11 tháng 11 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
ĐỢT THÁNG 11/2025

Bài đánh giá: **Kỹ năng Nói**
Ngày đánh giá: **16/11/2025**
Thời gian: **13h00-17h40**

Phòng: **49** Mã lớp: **25388ENTE0121**
Ca: **Chiều**
Hội trường: **V103**

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Ký xác nhận	Ghi chú
1	9808	Phạm Ngọc Phú	22D100239	K58A4			
2	9809	Đàm Thị Thêm	22D100285	K58A4			
3	9810	Hồ Thị Yến	22D100334	K58A4			
4	9811	Nguyễn Mạnh Cường	22D100053	K58A4			
5	9812	Nguyễn Thị Hồng	22D100132	K58A4			
6	9813	Đỗ Quang Huy	22D100133	K58A4			
7	9814	Nguyễn Đức Tiến Sơn	22D100263	K58A5			
8	9815	Hoàng Thị Loan	22D100179	K58A5			
9	9816	Nguyễn Thị Thu Hà	22D100097	K58A5			
10	9817	Ngô Đức Dũng	22D100067	K58A6			
11	9818	Đặng Thảo Nhi	22D100221	K58A6			
12	9819	Nguyễn Quốc Chuyên	22D100047	K58A6			
13	9820	Nguyễn Thùy Ngân	22D100208	K58A6			
14	9821	Đinh Cao Nguyên	22D100216	K58A6			
15	9822	Nguyễn Hoàng Sơn	22D100264	K58A6			
16	9823	Nguyễn Đức Thịnh	22D100287	K58A6			
17	9824	Hồ Thị Hào	22D100103	K58A6			
18	9825	Đỗ Hương Trang	22D100307	K58A6			
19	9826	Mai Đức Hoàng	22D100124	K58A6			
20	9827	Mai Thị Thu Duyên	22D108018	K58AA1			
21	9828	Bùi Thùy Dung	22D109009	K58AS1			
22	9829	Lê Thu Hà	22D109016	K58AS1			
23	9830	Trương Thị Linh	22D109032	K58AS1			
24	9831	Trần Quang Minh	22D109034	K58AS1			
25	9832	Trần Linh Trang	22D109052	K58AS1			

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Ký xác nhận	Ghi chú
26	9833	Đinh Thanh Tùng	22D109058	K58AS1			
27	9834	Phạm Duy Đức	22D109011	K58AS1			
28	9835	Phan Diệu Linh	22D109029	K58AS1			
29	9836	Lê Yến Nhi	22D109038	K58AS1			
30	9837	Trần Cẩm Ly	22D112115	K58B1KN			
31	9838	Nguyễn Minh Chi	22D252027	K58B1LN			
32	9839	Bùi Thị Bảo Chi	22D252024	K58B1LN			
33	9840	Nguyễn Quang Phi	22D252137	K58B1LN			
34	9841	Cao Nữ Thảo Nguyên	22D112132	K58B2KN			
35	9842	Bùi Gia Hân	22D112073	K58B2KN			
36	9843	Phạm Thị Thoa	22D252161	K58B2LN			
37	9844	Vũ Thị Thùy Dung	22D112043	K58B3KN			

Xác nhận:

37

SV theo danh sách

Có mặt:.....

Vắng:.....

Số sinh viên vi phạm kỷ luật:.....(Trong đó:.....sinh viên đình chỉ)

Cán bộ 1
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ 2
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thư ký phòng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 11 tháng 11 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

**DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
ĐỢT THÁNG 11/2025**

Bài đánh giá: **Kỹ năng Nói**
Ngày đánh giá: **16/11/2025**
Thời gian: **13h00-17h40**

Phòng: **50** Mã lớp: **25389ENTE0121**
Ca: **Chiều**
Hội trường: **V104**

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Ký xác nhận	Ghi chú
1	9845	Đỗ Đình Nam	22D120142	K58C1			
2	9846	Nguyễn Hữu Nam	22D120144	K58C1			
3	9847	Hoàng Kim Ngân	22D120151	K58C1			
4	9848	Đặng Ngọc Huyền	22D120085	K58C1			
5	9849	Phạm Thu Phương	22D120170	K58C1			
6	9850	Nguyễn Thị Quỳnh	22D120178	K58C1			
7	9851	Đào Trọng Chính	22D120034	K58C1			
8	9852	Nguyễn Thị Thu Thủy	22D120196	K58C1			
9	9853	Lê Thị Trang	22D120200	K58C1			
10	9854	Vũ Thị Trinh	22D120209	K58C1			
11	9855	Trịnh Thị Xuân	22D120221	K58C1			
12	9856	Nguyễn Văn Lộc	22D120125	K58C1			
13	9857	Vi Ngọc Quỳnh Anh	22D120019	K58C1			
14	9858	Nguyễn Phương Thu	22D120192	K58C1			
15	9859	Nguyễn Hà An	22D120001	K58C1			
16	9860	Nguyễn Thị Ti Na	22D120141	K58C2			
17	9861	Nguyễn Thị Huyền	22D120089	K58C2			
18	9862	Lương Thị Thu Oanh	22D120166	K58C2			
19	9863	Nguyễn Thị Thảo	22D120184	K58C2			
20	9864	Lê Thùy Linh	22D120108	K58C2			
21	9865	Hoàng Giang	22D120057	K58C2			
22	9866	Nguyễn Thị Mỹ Linh	22D120112	K58C2			
23	9867	Phạm Thảo Linh	22D120117	K58C2			
24	9868	Phan Thế Anh	22D120014	K58C2			
25	9869	Nguyễn Tiến Minh	21D120027	K58C3			

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Ký xác nhận	Ghi chú
26	9870	Lê Ngọc	Huyền	22D120087	K58C3		
27	9871	Nguyễn Hương	Giang	22D120060	K58C3		
28	9872	Trương Ngọc	Giang	22D120062	K58C3		
29	9873	Nguyễn Thị Phương	Thảo	22D120185	K58C3		
30	9874	Đỗ Quang	Chiều	22D120032	K58C3		
31	9875	Đoàn Thị	Trà	22D120206	K58C3		
32	9876	Nguyễn Thị Hồng	Tươi	22D120218	K58C3		
33	9877	Nguyễn Khánh	Linh	22D120109	K58C3		
34	9878	Nguyễn Quỳnh	Anh	22D120011	K58C3		
35	9879	Mông Đức	Quỳnh	22D120177	K58C3		
36	9880	Triệu Xuân	Nghĩa	22D120152	K58C4		
37	9881	Nguyễn Thị Thu	Hoài	22D120077	K58C4		

Xác nhận:

37

SV theo danh sách

Có mặt:.....

Vắng:.....

Số sinh viên vi phạm kỷ luật:.....(Trong đó:.....sinh viên đình chỉ)

Cán bộ 1

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ 2

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thư ký phòng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 11 tháng 11 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Nguyễn Hoàng Việt

DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
ĐỢT THÁNG 11/2025

Bài đánh giá: **Kỹ năng Nói**
Ngày đánh giá: **16/11/2025**
Thời gian: **13h00-17h40**

Phòng: **51** Mã lớp: **25390ENTE0121**
Ca: **Chiều**
Hội trường: **V201**

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Ký xác nhận	Ghi chú
1	9882	Trần Thị Thu	Huyền	22D120091	K58C4		
2	9883	Kiều Văn	Đức	22D120055	K58C4		
3	9884	Nguyễn Tiến	Giáp	22D120064	K58C4		
4	9885	Nguyễn Thu	Phương	22D120169	K58C4		
5	9886	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	21D120208	K58C4		
6	9887	Vũ Đức	Chung	22D120037	K58C4		
7	9888	Vũ Thị Phương	Anh	22D120023	K58C4		
8	9889	Mai Thị	Tuyết	22D120214	K58C4		
9	9890	Nguyễn Thu	Thảo	22D121101	K58CD1		
10	9891	Bùi Thị	Nguyệt	22D121083	K58CD1		
11	9892	Đào Thị	Nhung	22D121085	K58CD1		
12	9893	Bùi Thị Thanh	Thảo	22D121098	K58CD1		
13	9894	Đinh Thị Ngọc	Bích	22D121013	K58CD1		
14	9895	Nguyễn Ánh	Dương	22D121023	K58CD1		
15	9896	Lê Thị	Giang	22D121031	K58CD1		
16	9897	Ngô Thị Yến	Nhi	22D121084	K58CD2		
17	9898	Phạm Thanh	Huyền	22D121046	K58CD2		
18	9899	Hồ Thị Hà	Linh	22D121062	K58CD2		
19	9900	Lê Lâm	Anh	22D121004	K58CD2		
20	9901	Phạm Tiến	Tân	22D121097	K58CD2		
21	9902	Hoàng Minh	Giang	22D121030	K58CD2		
22	9903	Phan Thị Tuyết	Nhung	22D121086	K58CD2		
23	9904	Đỗ Thị	Hương	22D121049	K58CD2		
24	9905	Nguyễn Quỳnh	Hương	21D150125	K58D1		
25	9906	Nguyễn Thuý	Linh	22D150097	K58D1		

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Ký xác nhận	Ghi chú
26	9907	Trần Thị Thúy	An	22D150004	K58D1		
27	9908	Hoàng Văn	Chung	22D150031	K58D1		
28	9909	Nguyễn Thị	Hiền	22D150062	K58D1		
29	9910	Nguyễn Thị Mai	Nhung	22D150128	K58D1		
30	9911	Trương Thị Huyền	Trang	22D150167	K58D2		
31	9912	Triệu Tú	Anh	22D150014	K58D2		
32	9913	Lương Thị Ngọc	Ánh	22D150017	K58D2		
33	9914	Trần Thị Ngọc	Hà	22D150056	K58D2		
34	9915	Đinh Thị	Hường	22D150078	K58D2		
35	9916	Trần Thảo	Nguyên	22D150126	K58D2		
36	9917	Đinh Phương	Thúy	22D150149	K58D2		
37	9918	Đinh Thị Thu	Trang	22D150159	K58D3		

Xác nhận:

37

SV theo danh sách

Có mặt:.....

Vắng:.....

Số sinh viên vi phạm kỷ luật:.....(Trong đó:.....sinh viên đình chỉ)

Cán bộ 1

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ 2

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thư ký phòng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 11 tháng 11 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

**DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
ĐỢT THÁNG 11/2025**

Bài đánh giá: **Kỹ năng Nói**
Ngày đánh giá: **16/11/2025**
Thời gian: **13h00-17h40**

Phòng: **52** Mã lớp: **25391ENTE0121**
Ca: **Chiều**
Hội trường: **V202**

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Ký xác nhận	Ghi chú
1	9919	Trần Khánh Ly	22D150108	K58D3			
2	9920	Trần Thị Hải Ngân	22D150123	K58D3			
3	9921	Nguyễn Huyền Trang	22D150162	K58D3			
4	9922	Vi Thị Lan Anh	22D150015	K58D3			
5	9923	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	22D150022	K58D3			
6	9924	Vũ Trọng Minh Đức	22D150046	K58D3			
7	9925	Nguyễn Đức Hà	22D150053	K58D3			
8	9926	Lê Phương Huyền	22D150074	K58D3			
9	9927	Phương Thị Liên	22D150090	K58D3			
10	9928	Vũ Lê Khánh Linh	22D150099	K58D3			
11	9929	Hà Thị Huyền My	22D150114	K58D3			
12	9930	Bùi Thị Hằng Nga	22D150120	K58D3			
13	9931	Lê Thị Thanh Tâm	22D150137	K58D3			
14	9932	Hoàng Thái Bảo	22D270013	K58DC1			
15	9933	Nguyễn Thị Diệu	22D270015	K58DC1			
16	9934	Lâm Thị Bảo Hoàn	22D270028	K58DC1			
17	9935	Phạm Yến Thanh	22D270071	K58DC1			
18	9936	Đinh Kiều Thủy	22D270082	K58DC1			
19	9937	Âu Thị Hương	22D270035	K58DC1			
20	9938	Nguyễn Thị Kim Khánh	22D270037	K58DC1			
21	9939	Vũ Bảo Ngọc	22D270057	K58DC1			
22	9940	Huy Thị Trang	22D270089	K58DC1			
23	9941	Trương Thị Thảo Vân	22D270096	K58DC1			
24	9942	Trần Thị Quỳnh Anh	22D270009	K58DC1			
25	9943	Trần Văn Thái	22D270078	K58DC1			

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Ký xác nhận	Ghi chú
26	9944	Nguyễn Minh	Thư	22D270084	K58DC1		
27	9945	Hà Thị Lan	Anh	22D270004	K58DC1		
28	9946	Lê Thị Kim	Ngân	22D270051	K58DC1		
29	9947	Trần Thị Mai	Anh	22D270008	K58DC2		
30	9948	Lê Thị Ngọc	Ánh	22D270010	K58DC2		
31	9949	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	22D270011	K58DC2		
32	9950	Trần Ngọc	Hân	22D270025	K58DC2		
33	9951	Tạ Minh	Hiệu	22D270027	K58DC2		
34	9952	Hoàng Trần Phương	Thảo	22D270072	K58DC2		
35	9953	Lê Đình	Thiện	22D270079	K58DC2		
36	9954	Vũ Thị	Thùy	22D270081	K58DC2		
37	9955	Trương Thu	Hường	22D270036	K58DC2		

Xác nhận:

37

SV theo danh sách

Có mặt:.....

Vắng:.....

Số sinh viên vi phạm kỷ luật:.....(Trong đó:.....sinh viên đình chỉ)

Cán bộ 1

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ 2

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thư ký phòng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 11 tháng 11 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Nguyễn Hoàng Việt

**DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
ĐỢT THÁNG 11/2025**

Bài đánh giá: **Kỹ năng Nói**
Ngày đánh giá: **16/11/2025**
Thời gian: **13h00-17h40**

Phòng: **53** Mã lớp: **25392ENTE0121**
Ca: **Chiều**
Hội trường: **V203**

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Ký xác nhận	Ghi chú
1	9956	Lã Tường Vân	22D270095	K58DC2			
2	9957	Phạm Thị Thu Huyền	22D270034	K58DC2			
3	9958	Hoàng Ngọc Kiều	22D270040	K58DC2			
4	9959	Phan Thị Phụng	22D270062	K58DC2			
5	9960	Phùng Thị Thu Trang	22D270092	K58DC2			
6	9961	Hoàng Hải Yến	22D270098	K58DC2			
7	9962	Phan Diễm Quỳnh Anh	22D155007	K58DD1			
8	9963	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	22D155061	K58DD1			
9	9964	Nguyễn Thị Thùy Trang	22D155069	K58DD1			
10	9965	Nguyễn Hoàng Lan	22D155035	K58DD1			
11	9966	Trần Thu Hiền	22D155025	K58DD2			
12	9967	Lương Minh Thùy	22D155066	K58DD2			
13	9968	Vũ Duy Khánh	22D155033	K58DD2			
14	9969	Ngô Thị Thiên Dị	22D151006	K58DI1			
15	9970	Đào Khánh Huyền	22D151011	K58DI1			
16	9971	Trương Yến Nhi	22D151018	K58DI1			
17	9972	Nguyễn Lê Hải Long	22D290064	K58DK1			
18	9973	Nguyễn Thị Thanh Vân	22D290118	K58DK1			
19	9974	Lại Thị Mai Hương	22D290050	K58DK1			
20	9975	Trần Thị Trà My	22D290072	K58DK1			
21	9976	Đinh Văn Nam	22D290074	K58DK1			
22	9977	Lê Văn Sinh	22D290095	K58DK1			
23	9978	Nguyễn Ngân Hà	22D290037	K58DK1			
24	9979	Bùi Thị Ngọc Linh	22D290056	K58DK2			
25	9980	Nguyễn Văn Mùi	22D290069	K58DK2			

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Ký xác nhận	Ghi chú
26	9981	Bùi Yến	Nhi	22D290079	K58DK2		
27	9982	Nguyễn Huyền	Nhi	22D290081	K58DK2		
28	9983	Nguyễn Hồng	Son	22D290096	K58DK2		
29	9984	Nhâm Thiên	Vũ	22D290120	K58DK2		
30	9985	Nguyễn Ánh	Hồng	22D290046	K58DK2		
31	9986	Trịnh Thị Kim	Chúc	22D130032	K58E1		
32	9987	Vũ Minh	Hiếu	22D130082	K58E1		
33	9988	Nguyễn Kim	Quang	22D130174	K58E1		
34	9989	Thiều Nguyễn Phương	Thảo	22D130188	K58E1		
35	9990	Nguyễn Thị	Huyền	22D130099	K58E1		
36	9991	Trần Minh	Tú	22D130223	K58E1		
37	9992	Đàm Hồng	Vân	22D130227	K58E1		

Xác nhận:

37

SV theo danh sách

Có mặt:.....

Vắng:.....

Số sinh viên vi phạm kỷ luật:.....(Trong đó:.....sinh viên đình chỉ)

Cán bộ 1

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ 2

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thư ký phòng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 11 tháng 11 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

**DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
ĐỢT THÁNG 11/2025**

Bài đánh giá: **Kỹ năng Nói**
Ngày đánh giá: **16/11/2025**
Thời gian: **13h00-17h40**

Phòng: **54** Mã lớp: **25393ENTE0121**
Ca: **Chiều**
Hội trường: **V204**

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Ký xác nhận	Ghi chú
1	9993	Lê Khánh Linh	22D130119	K58E1			
2	9994	Trần Thị Thùy Linh	22D130132	K58E1			
3	9995	Nguyễn Vũ Trang Anh	22D130013	K58E1			
4	9996	Vũ Thị Hồng Anh	22D130017	K58E1			
5	9997	Mai Thị Minh Phương	22D130172	K58E1			
6	9998	Hoàng Như Quỳnh	22D130179	K58E1			
7	9999	Nguyễn Minh Thái	22D130192	K58E1			
8	10000	Nguyễn Tùng Dương	22D130050	K58E2			
9	10001	Trịnh Thị Thảo Minh	22D130144	K58E2			
10	10002	Nguyễn Thị Thu Hà	22D130070	K58E2			
11	10003	Lưu Thị Khánh Linh	22D130120	K58E2			
12	10004	Nguyễn Mạnh Cường	22D130034	K58E2			
13	10005	Nguyễn Thùy Dương	22D130049	K58E2			
14	10006	Nguyễn Thành Đạt	22D130057	K58E2			
15	10007	Bùi Văn Việt Hoàng	22D130087	K58E2			
16	10008	Nguyễn Thị Ngọc Yến	22D130234	K58E2			
17	10009	Nguyễn Thị Hà My	22D130145	K58E3			
18	10010	Cao Thị Phương Hoa	22D130083	K58E3			
19	10011	Đào Thị Huyền Trang	22D130208	K58E3			
20	10012	Nguyễn Văn Vinh	22D130231	K58E3			
21	10013	Ngô Thùy Dung	22D130040	K58E3			
22	10014	Đinh Thị Châu Giang	22D130060	K58E3			
23	10015	Lê Thị Thu Hương	22D130106	K58E3			
24	10016	Nguyễn Thị Hoài Nhung	22D130166	K58E4			
25	10017	Vũ Thị Hồng Hạnh	22D130074	K58E4			

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Ký xác nhận	Ghi chú
26	10018	Đinh Thị Hoa	22D130084	K58E4			
27	10019	Vũ Phương Thảo	22D130191	K58E4			
28	10020	Đinh Thị Thanh Lan	22D130114	K58E4			
29	10021	Đinh Hoài Nam	22D260077	K58EK1			
30	10022	Trần Quang Trọng	22D260124	K58EK1			
31	10023	Nguyễn Thị Giang Hương	22D260055	K58EK2			
32	10024	Vũ Mai Khuê	22D260059	K58EK2			
33	10025	Phạm Đình Thân	22D260108	K58EK2			
34	10026	Nguyễn Linh Giang	21D260178	K58EK2			
35	10027	Đàm Yến Nhi	22D260085	K58EK2			
36	10028	Nguyễn Thị Minh Thúy	22D260116	K58EK3			
37	10029	Vũ Quốc Tuấn	22D260125	K58EK3			

Xác nhận:

37

SV theo danh sách

Có mặt:.....

Vắng:.....

Số sinh viên vi phạm kỷ luật:.....(Trong đó:.....sinh viên đình chỉ)

Cán bộ 1

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ 2

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thư ký phòng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 11 tháng 11 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG


GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
ĐỢT THÁNG 11/2025

Bài đánh giá: **Kỹ năng Nói**
Ngày đánh giá: **16/11/2025**
Thời gian: **13h00-17h40**

Phòng: **55** Mã lớp: **25394ENTE0121**
Ca: **Chiều**
Hội trường: **V301**

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Ký xác nhận	Ghi chú
1	10030	Ngô Hải	Nam	22D160171	K58F1		
2	10031	Bùi Thị Phương	Anh	22D160004	K58F1		
3	10032	Nguyễn Phùng Gia	Bảo	22D160030	K58F1		
4	10033	Trần Việt	Long	22D160150	K58F1		
5	10034	Phùng Thị	Hồng	22D160097	K58F1		
6	10035	Nguyễn Bích	Diệp	22D160041	K58F1		
7	10036	Nguyễn Như	Quỳnh	22D160212	K58F2		
8	10037	Nguyễn Đức	Hoàng	22D160094	K58F2		
9	10038	Nguyễn Khánh	Vũ	22D160277	K58F2		
10	10039	Phan	Anh	22D160019	K58F2		
11	10040	Nguyễn Chí	Kiên	22D160126	K58F2		
12	10041	Hoàng Thị Phương	Thảo	22D160224	K58F3		
13	10042	Lương Văn	Minh	22D160165	K58F3		
14	10043	Vũ Nguyễn Hương	Nhi	22D160190	K58F3		
15	10044	Bùi Minh	Giang	22D160066	K58F3		
16	10045	Đỗ Ngọc	Hà	22D160071	K58F3		
17	10046	Lê Đăng	Tuấn	22D160266	K58F3		
18	10047	Võ Ngọc Thùy	Trang	22D160255	K58F3		
19	10048	Nguyễn Việt	Thành	22D160221	K58F4		
20	10049	Lê Hải	Anh	22D160009	K58F4		
21	10050	Phạm Thị Kim	Ngân	22D160176	K58F4		
22	10051	Nguyễn Đức	Ngọc	22D160177	K58F4		
23	10052	Đào Thị Phương	Anh	22D160007	K58F4		
24	10053	Nguyễn Thị Vân	Anh	22D160017	K58F4		
25	10054	Trần Thị	Thu	22D160241	K58F4		

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Ký xác nhận	Ghi chú
26	10055	Phạm Thành	Chung	22D160039	K58F4		
27	10056	Nguyễn Thị Mai	Dung	22D160044	K58F4		
28	10057	Hoàng Thị	Nhung	22D160191	K58F4		
29	10058	Nguyễn Đăng	Thắng	22D160235	K58F4		
30	10059	Trần Xuân	My	22D160170	K58F5		
31	10060	Nguyễn Phương	Linh	22D160141	K58F5		
32	10061	Nguyễn Ngọc	Mai	22D160157	K58F5		
33	10062	Vũ Thành	Thắng	22D160236	K58F5		
34	10063	Trần Thị Thanh	Thúy	22D160247	K58F5		
35	10064	Phạm Quang	Huy	22D160102	K58F5		
36	10065	Ngô Đức	Duy	22D160048	K58F5		
37	10066	Nghiêm Minh	Đức	22D160064	K58F5		

Xác nhận:

37

SV theo danh sách

Có mặt:.....

Vắng:.....

Số sinh viên vi phạm kỷ luật:.....(Trong đó:.....sinh viên đình chỉ)

Cán bộ 1

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ 2

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thư ký phòng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 11 tháng 11 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ukar

**TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
THƯƠNG MẠI**

Hlleet

GS.TS Nguyễn Hoàng Việt

**DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
ĐỢT THÁNG 11/2025**

Bài đánh giá: **Kỹ năng Nói**
Ngày đánh giá: **16/11/2025**
Thời gian: **13h00-17h40**

Phòng: **56** Mã lớp: **25395ENTE0121**
Ca: **Chiều**
Hội trường: **V302**

TT	SBD	Họ và Tên	Mã SV	Lớp HC	Mã đề	Ký xác nhận	Ghi chú
1	10067	Bùi Thanh	Hương	22D160115	K58F5		
2	10068	Nguyễn Như	Lan	22D160128	K58F5		
3	10069	Vũ Ngọc	Phan	22D160200	K58F5		
4	10070	Nguyễn Thị Phương	Thảo	22D160226	K58F5		
5	10071	Hà Thị	Hằng	22D160079	K58F5		
6	10072	Lê Hoàng	Anh	22D160010	K58F5		
7	10073	Nguyễn Mai Bảo	Anh	22D160012	K58F5		
8	10074	Đỗ Yến	Nhi	22D160187	K58F5		
9	10075	Vương Thị Ngọc	Ánh	22D160028	K58F5		
10	10076	Vũ Thị Phương	Dung	22D160046	K58F5		
11	10077	Nguyễn Thị	Huyền	22D160107	K58F5		
12	10078	Lê Thị Quỳnh	Anh	22D180008	K58H1		
13	10079	Nguyễn Bảo	Trâm	22D180232	K58H1		
14	10080	Nguyễn Thục	Uyên	22D180247	K58H1		
15	10081	Phạm Thị	Huyền	22D180101	K58H1		
16	10082	Nguyễn Minh	Khiêm	22D180114	K58H1		
17	10083	Phan Thị Mỹ	Linh	22D180135	K58H1		
18	10084	Hoàng Thị Thanh	Trúc	22D180235	K58H2		
19	10085	Phạm Thị	Duyên	22D180048	K58H2		
20	10086	Trần Thị Ngọc	Hà	22D180067	K58H2		
21	10087	Nguyễn Phương	Anh	22D180014	K58H2		
22	10088	Phạm Ngọc	Ánh	22D180025	K58H2		
23	10089	Bùi Huy	Bình	22D180031	K58H2		
24	10090	Lê Thị Tuyết	Anh	22D180009	K58H2		
25	10091	Đỗ Thanh	Thảo	22D180209	K58H2		

